TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐĂK NÔNG

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày 30/9/2020
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu ngọc Khoa.
- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2020/TLST-DS, ngày 21/5/2020 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-DS, ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Anh Đặng Danh L, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn Tuy Đ, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn**:** Anh Trần Ngọc Ph, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn 9, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N – Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan*:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Tuy Đ, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hãnh: Anh Đặng Danh L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Tuy Đ, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N – Có mặt tại phiên tòa.

Người có nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn 9, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đặng Danh L trình bày:

Vào năm 2017, anh Trần Ngọc Ph làm nhà tại thôn 2, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N nên đã gặp vợ chồng anh L để mua vật liệu xây dựng gồm: Xi măng, sắt, thép, gạch. Sau khi làm nhà xong thì giữa anh Phong và vợ chồng anh L có chốt lại số tiền đã thanh toán và số tiền còn nợ lại đến ngày 07/08/2019 là

126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Hai bên thống nhất chuyển số nợ tiền mua vật liệu xây dựng thành tiền vay và thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 07/11/2019, đồng thời anh Ph đồng ý thế chấp cho vợ chồng anh L căn nhà và toàn bộ diện tích đất ở của vợ chồng anh Ph tại thôn 2, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N. Hai bên có làm giấy vay tiền viết tay và hiện giấy này anh L đã cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán thì anh Ph đã không thanh toán cho vợ chồng anh L như đã thỏa thuận. Vì vậy, anh L khởi kiện yêu cầu anh Ph phải trả cho anh L số tiền 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H trình bày: Anh Trần Ngọc Ph mua vật liệu xây dựng để làm nhà và còn nợ lại tôi số tiền 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* như anh Lâm trình bày là đúng. Tuy vợ anh Ph không ký tên trong giấy vay nhưng việc mua vật liệu xây dựng và nợ tiền thì vợ anh Ph có biết. Khi đến hạn thanh toán anh Ph không trả cho vợ chồng tôi như đã thỏa thuận mặc dù chúng tôi đã hối thúc việc trả nợ nhiều lần. Do anh Ph không trả nợ nên chồng tôi làm đơn khởi kiện anh Ph tại Tòa án là có căn cứ. Tôi đồng ý với kiến của anh L, không bổ sung gì thêm.

* Bị đơn anh Trần Ngọc Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q (vợ anh Ph) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 9, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết chị Q vợ anh Ph bỏ đi khỏi địa phương thỉnh thoảng có trở về nhà nhưng không ở cố định, anh Ph đã bỏ đi khỏi địa phương hiện nay không rõ đang làm gì, ở đâu, khi đi không báo cho chính quyền địa phương biết. Do anh Ph và chị Q hiện không có mặt tại địa phương nên không tiến hành lấy lời khai, làm việc được.

Như vậy, trường hợp của anh Ph, chị Q là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh Ph, chị Q theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q phải trả số tiền 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* và tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 điều

26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Danh L. Buộc anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho anh Đặng Danh L và chị Bùi Thị H số tiền 162.870.900 đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng)*. Trong đó tiền gốc 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*; Tiền lãi suất trong hạn từ ngày 07/8/2019 đến 07/11/2019 là 03 tháng: 126.600.000 x 1,5%/tháng x 03 tháng = 5.697.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng)*; Tiền lãi quá hạn từ ngày 08/11/2019 đến ngày 30/9/2020 là 10 tháng 22 ngày: 126.600.000 x (150%x1,5%) x 10 tháng 22 ngày = 30.573.900 đồng *(Ba mươi triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng)*.

Đối với việc bị đơn thế chấp nhà, đất cho nguyên đơn nhưng việc thỏa thuận không tuân thủ về hình thức, nội dung giao kết chưa rõ ràng vi phạm khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 398 BLDS 2015; Nghị định số 163 ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm, quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 8.143.545 đồng *(Tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng)*; Trả lại cho anh Đặng Danh L số tiền 3.165.000 đồng *(Ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)* anh Đặng Danh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001111, ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh Đặng Danh L và anh Trần Ngọc Ph. Bị đơn anh Trần Ngọc Ph cư trú tại thôn 9, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc. Tuy nhiên bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho nguyên đơn biết. Như vậy, trường hợp của anh Ph, chị Q là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh Ph, chị Q theo thủ tục chung của pháp luật. Do bị đơn anh Trần Ngọc Ph vắng mặt, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được. Tại phiên tòa ngày 14/9/2020 anh

Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph, chị Q theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào năm 2017, anh Trần Ngọc Ph làm nhà tại thôn 2, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N nên đã gặp vợ chồng anh L để mua vật liệu xây dựng gồm xi măng, sắt, thép, gạch. Sau khi làm nhà xong thì giữa anh Ph và vợ chồng anh L có chốt lại số tiền đã thanh toán và số tiền còn nợ lại đến ngày 07/08/2019 là 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Hai bên thống nhất chuyển số nợ tiền mua vật liệu xây dựng thành tiền vay và thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 07/11/2019 đồng thời anh Phong đồng ý thế chấp cho vợ chồng anh L căn nhà và toàn bộ diện tích đất ở của vợ chồng anh Ph tại thôn 2, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ. Hai bên có làm giấy vay tiền viết tay và hiện giấy này anh L đã cung cấp cho Tòa án đến thời hạn thanh toán anh Ph đã không thanh toán cho vợ chồng anh L như đã thỏa thuận. Vì vậy, anh L khởi kiện yêu cầu anh Ph phải trả cho anh Lâm số tiền 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[4] Xuất phát từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng để làm nhà vợ chồng anh Ph, chị Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vật liệu cho anh L, chị H. Sau đó hai bên đã chuyển số nợ tiền mua vật liệu thành tiền vay và có thỏa thuận về lãi suất. Tại giấy thỏa thuận ngày 07/8/2019 anh Ph, chị Q vay của anh L số tiền 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* với lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 07/11/2019.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất 1,5%/tháng do các bên tự nguyện thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đến ngày 07/11/2019 anh Ph và chị Q vẫn chưa trả đươc tiền nên anh Ph, chị Q ngoài việc trả số tiền gốc còn phải trả lãi suất quá hạn từ ngày 08/11/2019 cho đến khi kết thúc vụ án là có căn cứ.

Như vậy anh Ph và chị Q phải trả cho anh L, chị H số tiền gốc 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*; Tiền lãi trong hạn (từ ngày 07/8/2019 đến 07/11/2019 là 03 tháng: 126.600.000 x 1,5%/tháng x 03 tháng = 5.697.000 đồng); Tiền lãi quá hạn (từ ngày 08/11/2019 đến ngày 30/9/2020 là 10 tháng 22 ngày: 126.600.000 x (150%x1,5%) x 10 tháng 22 ngày = 30.573.900 đồng *(Ba mươi triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng)*.

Như vậy cả gốc và lãi 162.870.900 đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng)*.

[5] Xét việc anh L không có chức năng cầm cố tài sản nên việc cầm đất và nhà giữa anh L và anh Ph là không đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên đối với căn

nhà và đất của anh Ph, chị Q chưa được bàn giao cho anh Lâm do đó không đề cập xử lý.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Danh L. Buộc anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho anh Đặng Danh L và chị Bùi Thị H số tiền 162.870.900 đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng* Trong đó tiền gốc 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*; Tiền lãi trong hạn 5.697.000 *(Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng)*; Tiền lãi quá hạn 30.573.900 đồng *(Ba mươi triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng).*

[6] Về án phí: Án phí dân sự là 8.143.545 đồng *(Tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng)*; Buộc anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 8.143.545 đồng *(Tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng)*.

Trả lại cho anh Đặng Danh L số tiền 3.165.000 đồng *(Ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)* anh Đặng Danh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001111, ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Danh L đối với anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q.

Buộc anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho anh Đặng Danh L và chị Bùi Thị H số tiền 162.870.900 đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng)*. Trong đó tiền gốc 126.600.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*; Tiền lãi trong hạn 5.697.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng)*; Tiền lãi quá hạn 30.573.900 đồng *(Ba mươi triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng)*.

Nếu anh Ph, chị Q chậm trả số tiền nêu trên thì anh Ph, chị Q còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Án phí dân sự là 8.143.545 đồng *(Tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng)*. Buộc anh Trần Ngọc Ph và chị Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 8.143.545 đồng *(Tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng)*; Trả lại cho anh Đặng Danh L số tiền 3.165.000 đồng *(Ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*

anh Đặng Danh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001111, ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk N;
- VKSND huyện Tuy Đ;
- Chi cục THADS huyệnTuy Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phan Long Ca